1. Khai báo nào sau đây là không hợp lệ:  
   i. int \*p = new int(10);  
   ii. int \*p = new int[10];  
   iii. int \*p = 10;  
   iv. int \*p = NULL;
2. Kết quả của a là bao nhiêu sau câu lệnh:  
   int \*p = new int[3]; p[0]=1; p[1]=2; p[2]=4; int a=&p[2]-&p[1]  
   i. 2  
   ii. 4  
   iii. 1  
   iv. Trình dịch báo lỗi

1. Phát biểu nào sau đây là không chính xác đối với mảng động  
   i. Cung cấp độ dài cho mảng động trước khi sử dụng  
   ii. Độ dài của mảng động có thể được thay đổi  
   iii. Phải cung cấp độ dài cho mảng động ngay khi khai báo
2. Phát biểu nào sau là không đúng đối với truyền mảng động cho hàm   
   i. Là kiểu truyền địa chỉ  
   ii. Là kiểu truyền con trỏ  
   iii. Là kiểu truyền giá trị  
   iv. Là kiểu truyền tham chiếu
3. Lời gọi hàm nào sau đây là không đúng  
   void printPtr(int \*p); void print(int p);  
   i. int a = 0; print(a);  
   ii. int \*a = new int(0); print(a);  
   iii. int a = 0; printPtr(a);  
   iv. int \*a = new int(0); printPtr(a);
4. Cho các khai báo sau, những câu lệnh nào không đúng về cách lập trình:  
   int \*aPtr = new int(0); int \*sPtr; int number = 4;  
   i. sPtr = aPtr;  
   ii. \*sPtr = number;  
   iii. number = aPtr;  
   iv. aPtr = &number;
5. Đoạn mã nào sau đây để in ra giá trị của một mảng động (con trỏ \*p) N phần tử:  
   i. for (int i=0; i<N; i++) cout << p+i << “ “;  
   ii. for (int i=0; i<N; i++) cout << \*p+i << “ “;  
   iii. for (int i=0; i<N; i++) cout << \*(p+i) << “ “;  
   iv. for (int i=0; i<N; i++) cout << \*p[i] << “ “;
6. Kết quả đoạn mã sau là gì:  
    int a=5, \*p1, \*p2;  
    p1 = new int(10);  
    p2 = new int(20);  
    \*p1 = a; p2 = &a; a++;  
    cout << " " << \*p1 << " " << \*p2 << endl;  
   i. 10 20  
   ii. 5 5  
   iii. 10 6  
   iv. 5 6
7. Giá trị của \*p sau đoạn mã sau là gì:  
    void a(int \*p) { \*p++; }  
    void b(int \*p) { (\*p)++; }  
    void c(int p) { p++; }  
    int main  
    {  
        int \*p = new int(5);  
        b(p); a(p); c(\*p);  
    }  
   i. 5  
   ii. 6   
   iii. 7   
   iv. 8
8. Kết quả đoạn mã sau là gì:  
    int \*p1, \*p2;  
    p1 = new int;  
    p2 = new int;  
    \*p1 = 10;  
    \*p2 = 20;  
    cout << \*p1 << " " << \*p2;  
    p1 = p2;  
    cout << " " << \*p1 << " " << \*p2;  
    \*p1 = 30;  
    cout << " " << \*p1 << " " << \*p2 << endl;  
   i. 10 20 20 20 30 20  
   ii. 10 20 10 20 30 30   
   iii. 10 10 20 20 30 30   
   iv. 10 20 20 20 30 30
9. Kết quả đoạn mã sau là gì:  
    int \*p1, \*p2, \*p3;  
    p1 = new int(10); p2 = new int(20); p3 = new int(\*p1 + \*p2);  
    p1 = p2; p2 = p3; p3 = p1;  
    cout << \*p1 << " " << \*p2 << " " << \*p3 << endl;  
   i. 10 20 30  
   ii. 20 30 10  
   iii. 20 30 20  
   iv. 30 20 10

1. Câu lệnh nào trả về giá trị phần tử thứ 3 của mảng int \*p = new int[10];  
   i. p+2;  
   ii. \*p+2;  
   iii. \*(p+2);  
   iv. \*p[2];
2. Phát biểu nào sau đây không đúng đối vởi mảng int \*p = new int[5];  
   i. p là địa chỉ của p[0]  
   ii. \*p là giá trị của p[0]  
   iii. \*p+1  là giá trị của p[1]  
   iv. p+1 là địa chỉ của p[1]